TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/DS-PT
Ngày 05/11/2019
"V/v tranh chấp BTTH ngoài hợp đồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Cảnh;

Ông Nguyễn Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cần - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/10 và ngày 05/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2019/TL-DSPT ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc *"Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2019. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc A, bà Trần Thị L;

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: ông Nguyễn Ngọc A – văn bản uỷ quyền ngày 20/12/2018 – Có mặt.

Ông Hoàng Ngọc V, bà Nguyễn Thị T;

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Bà Nguyễn Thị T – văn bản uỷ quyền ngày 19/6/2018 – Có mặt.

Bà Trương Thị M;

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Nguyễn Ngọc A - văn bản uỷ quyền ngày 14/6/2018 – Có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

- Ông Nguyễn Văn B và bà Đinh Thị Kim C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: bà Đinh Thị Kim C – văn bản uỷ quyền ngày 09/01/2018 – Có mặt.

Địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

- *Bị đơn:* ông Trần V và bà Võ Thị Hà T.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Xuân P, địa chỉ: 122A/6 T, phường E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk - văn bản uỷ quyền ngày 26/6/2018 – *Có mặt.*.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần V và bà Võ Thị Hà T - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đồng nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng tháng 4 năm 2017, ông Trần V và bà Võ Thị Hà T đổ đất san lấp mặt bằng tại thửa đất số 190 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 87, 88 tờ bản đồ số 28) tọa lạc tại thôn P, xã Q, huyện K. Quá trình đổ đất đã san lấp con mương thoát nước tại cánh đồng nơi các hộ gia đình đồng nguyên đơn đang sử dụng, đã trồng cây ngô trong giai đoạn trổ bông bị ngập úng, gây Tệt hại đến kinh tế của các hộ, cụ thể: Ông A, bà L bị thiệt hại diện tích khoảng 4200 m^2; ông B, bà C diện tích khoảng 4000 m^2; ông V, bà T diện khoảng 2000 m^2; bà M diện tích khoảng 2.200 m^2.

Do đó, đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần V, bà Võ Thị Hà T bồi thường Thiệt hại đối với diện tích Ngô bị chết với tổng số tiền là 54.560.000 đồng, trong đó: ông Anh, bà L yêu cầu bồi thường số tiền 23.730.000 đồng (trong đó thiệt hại về cây trồng là 18.480.000 đồng; tiền thuê máy múc lại mương thoát nước là 5.250.000 đồng); ông B, bà C yêu cầu bồi thường 17.600.000 đồng; ông V, bà T yêu cầu bồi thường 8.800.000 đồng; bà M yêu cầu bồi thường 9.680.000 đồng;

Ngày 18/4/2018, ông A, bà C, bà M và bà T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu đền bù thiệt hại hoa màu đối với tiền công đầu tư, chăm sóc cụ thể: ông A yêu cầu bồi thường 18.480.000 đồng đồng (trong đó, thiệt hại về cây trồng là 13.230.000 đồng; tiền thuê máy múc lại mương thoát nước là 5.250.000 đồng); bà C 12.300.000 đồng; bà M 7.780.000 đồng; bà T 8.060.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 28/12/2019, ông A, bà C, bà M và bà T rút toàn bộ nội dung yêu khởi kiện theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/4/2018.

Ngày 04/01/2019, bà C, bà M và bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu đề ngày 06/10/2017, cụ thể: bà C rút đối với diện tích 95,8 m^2 cây ngô trưởng thành; bà M rút đối với diện tích 96 m^2 cây ngô trưởng thành; bà T rút đối với diện tích 99,2 m^2 cây Ngô trưởng thành không yêu cầu ông V, bà T phải bồi

thường. Ông Nguyễn Ngọc A bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông V, bà T bồi thường thiệt hại diện tích 72 m^2 cây ngô trưởng thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đồng nguyên đơn yêu cầu ông V, bà T phải bồi thường thiệt hại đối với diện tích cây Ngô trưởng thành bị chết theo kết quả định giá ngày 29/01/2019. Tuy nhiên, các đồng nguyên đơn chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với số tiền cụ thể: Ông A yêu cầu bồi thường 12.000.000 đồng và 5.250.000 đồng thuê máy múc lại con mương thoát nước; bà C yêu cầu bồi thường 12.000.000 đồng; bà M yêu cầu bồi thường 7.500.000 đồng; bà T yêu cầu bồi thường 6.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu ông T, bà V giữ nguyên hiện trạng con mương thoát nước bao quanh thửa 87, 88 tờ bản đồ số 28.

***Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Xuân P trình bày*:**

Vào khoảng tháng 3 năm 2017, ông V, bà T có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn L1, bà Nguyễn Duy Thị T1 01 thửa đất số 190 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại thôn P, xã Đ, huyện K nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Khi nhận chuyển nhượng ông, bà không biết có cống thoát nước ở phía đầu lô đất (phần giáp QL28), GCNQSDĐ cũng không thể hiện có con mương thoát nước. Sau khi tiến hành san lấp mặt bằng thì do trời mưa nên xảy ra ngập nước cánh đồng phía bên trong nơi các hộ dân đang sử dụng, trong đó có hộ ông A, bà C, bà M và bà T đang trồng ngô. Bà T thừa nhận do không thoát nước nên gây ngập ứng. Tuy nhiên, bà không đồng ý với tổng diện tích cây ngô bị chết như các nguyên đơn yêu cầu, bà thấy chỉ có khoảng 5000 m^2 đất trồng ngô còn lại là đất trắng. Vì vậy, ông bà chỉ chấp nhận bồi thường cho các nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền chi phí làm hệ thống mương thoát nước để tạo dòng chảy B thường cho toàn bộ diện tích đất phía trong, diện tích đất làm mương thuộc quyền sử dụng của ông V, bà T.

Ngày 19/3/2018, ông V, bà T có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án buộc ông A, L, bà M, ông V, bà T phải bồi thường thiệt hại đối với diện tích đất bị múc đi làm mương thoát nước với số tiền 60.000.000 đồng.

Ngày 02/8/2018, ông V, bà T có đơn sửa đổi, bổ sung đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn với số tiền 59.560.000 đồng và yêu cầu ông, bà phải trả lại nguyên trạng đường thoát nước vì ông V, bà T không gây thiệt hại và không có thiệt hại xảy ra, đồng thời buộc các nguyên đơn phải trả lại nguyên trạng, trả lại diện tích đất đã múc để làm mương thoát nước cho ông V, bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của ông V, bà T rút một phần yêu cầu phản tố đối với yêu cầu các nguyên đơn phải bồi thường số tiền 60.000.000 đồng giá trị diện tích đất bị múc đi để làm mương thoát nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L1, bà Nguyễn Duy Thị T1 trình bày:

Vào tháng 3 năm 2017, ông bà có chuyển nhượng cho ông V, bà T 01 thửa đất diện tích (43m x 120m) thuộc thửa đất số 190 tờ bản đồ số 5 (theo GCNQSDĐ) tọa lạc tại thôn P, xã Đ, huyện K. Các bên đã bàn giao đất trên thực địa cho ông V, bà T sử dụng, nhưng chưa làm xong thủ tục chuyển nhượng sang thuên cho ông V, bà T. Do từ trước đã tồn tại con mương thoát nước nên khi chuyển nhượng giữa các bên thỏa thuận trừ phần diện tích đất có chiều rộng 3m, chiều dài hết thửa đất. Nay ông bà xác định đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông V, bà T nên không có ý kiến gì và có đơn từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án (Bl 193-194, 258-260).

Người làm chứng ông Nguyễn Quang T2 trình bày:

Năm 2017 ông V, bà T có thuê ông san lấp mặt bằng thửa 87,88, tờ bản đồ số 28 tại thôn P, xã Đ, huyện K. Khi thực hiện san lấp ông Thông không để ý có con mương nước tồn tại trên thửa đất hay không. Ông chỉ thấy có cống thoát nước chạy qua đường Quốc lộ 28 phần phía giáp với diện tích ông Thông đang san lấp mặt bằng. Khi xảy ra ngập úng, ông Anh Thuê ông khơi con mương thoát nước thì ông nói: *"chấp nhập nhưng phải có sự đồng ý của bà T"*, lúc này ông thấy bà T xuống tại thửa đất và chấp nhận cho ông T2 múc lại con mương thoát nước như hiện nay, thời gian múc lại con mương hết 7 giờ 30 phút, đơn giá 700.000 đồng/1 giờ, thành tiền là 5.250.000 đồng, hiện ông Anh chưa trả tiền, khi nào ông A có thì trả cho ông T2.

Tại bản án sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A, bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Đinh Thị Kim C, ông Hoàng Ngọc V, bà Nguyễn Thị T và bà Trương Thị M.

Buộc ông Trần V, bà Võ Thị Hà T có nghĩa vụ bồi thường cho ông A, bà L số tiền 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)*; ông B, bà C 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)*; ông V, bà T số tiền 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng)*; bà M số tiền 7.500.000đ *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Ông Trần V, bà Võ Thị Hà T phải giữ nguyên hiện trạng con mương thoát nước bao quanh thửa 87, 88, tờ bản đồ số 28, có các cạnh Tây dài 42 m, cạnh Bắc dài 56 m, chiều rộng mặt trên trung B 3 m, chiều sâu trung B là 2,5 m, chiều rộng mặt dưới (đáy) trung B 1,25 m, tọa lạc tại tại thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, toàn bộ phần mương nước Tộc thửa đất số 87, 88, tờ bản đồ số 28.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc ông TrầnV, bà Võ Thị Hà T phải bồi thường thiệt hại diện tích 95,8 m^2 cây ngô trưởng thành của bà Đinh Thị Kim C; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Trần V, bà Võ Thị Hà T phải bồi thường thiệt hại diện tích 96 m^2 cây ngô trưởng thành của bà Trương Thị M; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông TrầnV, bà Võ Thị Hà T phải bồi thường thiệt hại diện tích 99,2 m^2 cây ngô trưởng thành của bà Nguyễn Thị T.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc A, bà Trần Thị L yêu cầu ông Trần V, bà Võ Thị Hà T thanh toán tiền thuê múc mương thoát nước số tiền 5.250.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của phản tố của ông V, bà T đối với ông A, bà L, ông B, bà C, ông V, bà T và bà M phải trả lại nguyên trạng, trả lại diện tích đất đã múc để làm mương thoát nước.

Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Trần V, bà Võ Thị Hà T đối với yêu cầu phía nguyên đơn phải bồi thường số tiền 60.000.000 đồng là giá trị diện tích đất bị múc đi để làm mương thoát nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/9/2019, ông Trần V và bà Võ Thị Hà T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V, bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và lời khai như trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần V và bà Võ Thị Hà T, huỷ bản án sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Krông giải quyết lại thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần V và bà Võ Thị Hà T làm trong thời hạn luật định và hợp lệ.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần V và bà Võ Thị Hà T đối với nội dung không chấp nhận bồi thường cho các đồng nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2018 bà T thừa nhận vào khoảng tháng 4/2017 gia đình bà có đổ đất san lấp mặt bằng để canh tác, do diện tích đất của gia đình bà thấp, nên khi đổ đất đã làm ảnh hưởng đến việc thoát nước của vùng đất phía trong, bà thừa nhận do không thoát nước nên gây ngập úng. Tuy nhiên, bà không đồng ý với tổng diện tích các nguyên đơn yêu cầu là 12.400m^2 đất trồng ngô. Khi mưa nhiều gây ngập úng bà thấy có khoảng 5000m^2 đất trồng

ngô, còn lại là đất trắng. Nay bà chỉ chấp nhận bồi thường cho các nguyên đơn 10.000.000 đồng cây trồng bị Tệt hại và 5.000.000 đồng tiền chi phí làm mương thoát nước. Chấp nhận lấy đất của gia đình làm hệ thống mương thoát nước tạo dòng chảy B thường cho diện tích đất phía trong (BL 78). Tại bút lục số 39 bà T xác định do thiên tai quá lớn cộng thêm gia đình bà đổ đất gây hư hại cho bà con thì bên nguyên đơn chịu mất giống, bà hỗ trợ công, tiền cày xới.

[2.2]. Như vậy, có căn cứ xác định nguyên nhân gây ngập úng dẫn đến cây ngô của đồng nguyên đơn bị chết là do gia đình bà T đổ đất san lấp mặt bằng, lấp con mương thoát nước nên không có chỗ thoát nước, gây ngập úng diện tích đất trồng ngô của các hộ đồng nguyên đơn, làm thiệt hại đến tài sản của họ. Do đó làm phát sinh trách nhiệm bồi thường theo quy định tại các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

[2.3]. Quá trình giải quyết, đồng nguyên đơn xác định diện tích đất trồng ngô bị Tệt hại tổng cộng là 12.400m^2, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản đồ giải thửa để chứng minh diện tích đất của các hộ bị thiệt hại. Bà T cho rằng khi mưa nhiều gây ngập úng bà thấy có khoảng 5000m^2 đất trồng ngô, còn lại là đất trắng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, bà không có chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của bà là có căn cứ. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc ông V, bà T phải bồi thường thiệt hại cho đồng nguyên đơn là có căn cứ.

[2.4]. Về số tiền bồi thường thiệt hại theo đơn khởi kiện đồng nguyên đơn yêu cầu bồi thường sản lượng ngô lai là 6.200 kg, thành tiền là 54.560.000 đồng. Tại phiên toà sơ thẩm đồng nguyên đơn yêu cầu ông V, bà T bồi thường thiệt hại đối với diện tích cây Ngô trưởng thành bị chết theo kết quả định giá ngày 29/01/2019. Tuy nhiên, các đồng nguyên đơn chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với số tiền cụ thể: Ông A yêu cầu bồi thường 12.000.000 đồng, bà C 12.000.000 đồng; bà M 7.500.000 đồng; bà T 6.000.000 đồng. Như vậy, việc thay đổi của đồng nguyên đơn tại phiên toà là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại thấp hơn so với đơn khởi kiện. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải bồi thường cho đồng nguyên đơn đối với số tiền trên là có căn cứ.

[3]. Đối với con mương thoát nước: Ông V, bà T cho rằng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản đồ giải thửa thì thửa đất số 190, tờ bản đồ số 05, diện tích 3.400m^2 không có con mương thoát nước, nên không chấp nhận giữ nguyên hiện trạng con mương nước. Xét thấy, Mặc dù trong giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, bản đồ giải thửa thì thửa đất số 190, tờ bản đồ số 05 không thể hiện có con mương thoát nước. Tuy nhiên, lời khai của ông L1, bà T1 là người chuyển nhượng đất cho ông V, bà T khẳng định: Khi ông bà nhận chuyển nhượng đất của ông K có trừ 03m mặt đường để làm mương thoát nước, khi đó có cống thoát nước, nên khi chuyển nhượng lại cho anh V, chị T cũng trừ diện tích đất này ra để làm mương thoát nước, chiều dài hết thửa đất (BL 193, 194).

Tại biên bản xác minh ngày 10/01/2019 UBND xã Đ cho biết do thửa đất số 88 tờ bản đồ số 28 trũng so với các thửa đất khác nên khi đến mùa mưa tập trung nước về khu vực này. Vì vậy, nhà nước đã tạo một cống thoát nước qua đường Quốc lộ 28 phần tiếp giáp với thửa đất số 88. Quá trình sử dụng các hộ dân đã tự tạo nên con mương thoát nước, đến năm 2015 cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc chỉnh lý tờ bản đồ và xác định theo hiện trạng đã có con mương thoát nước chảy qua thửa đất số 88 tờ bản đồ số 28 (BL 261). Mặt khác, tại BL số 36 bà T xác định gia đình bà bỏ ra 03m đất và hỗ trợ 2.500.000đ tiền múc mương. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2018, bà T chấp nhận lấy đất của gia đình làm hệ thống mương thoát nước tạo dòng chảy B thường cho diện tích đất phía trong (BL 78). Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định có con mương thoát nước phục vụ dân sinh tại địa phương chảy qua giữa thửa đất số 87, 88 tờ bản đồ số 28 được cơ quan có thẩm quyền đo đạc năm 2015. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/5/2018 thì hiện trạng thực tế con mương nước bao quanh thửa đất số 87, 88 có cạnh Tây dài 42m, cạnh Bắc dài 56m, chiều rộng mặt trên trung B là 5,5m, chiều sâu trung B là 2,5m, chiều rộng mặt dưới đáy trung B là 1,25m. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án đồng nguyên đơn có nguyện vọng giữ nguyên con mương hiện trạng với chiều rộng trung B là 03m. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải giữ nguyên hiện trạng con mương thoát nước bao quanh thửa đất số 87, 88 tờ bản đồ số 28 với chiều rộng trung B 03m là có căn cứ.

[4]. Bị đơn kháng cáo cho rằng sau khi tạm ngừng phiên tòa, Hội đồng xét xử không thông báo bằng văn bản cho bị đơn về thời gian mở lại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 2 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về tạm ngừng phiên tòa:

"2. Việc tạm ngừng phiên tòa phải được ghi vào biên bản phiên tòa. .... Hội đồng xét xử phải thông báo bằng văn bản cho những người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát cùng cấp về thời gian tiếp tục phiên tòa.

Sau khi vụ án được tạm đình chỉ thì ngày 10/7/2019, phiên tòa tiếp tục được mở ngày 12/8/2019 và Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã tống đạt hợp lệ thông báo mở lại phiên tòa cho ông Nguyễn Xuân P – đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Tại phiên tòa ông P có mặt. Tuy nhiên, tại phiên toà Hội đồng xét xử xét thấy cần xác

minh, T thập thêm tài liệu chứng cứ cũng như bổ sung người làm chứng tham gia tố tụng nên đã quyết định tạm ngừng phiên tòa. Tuy Hồ sơ vụ án không thể hiện việc tống đạt quyết định tạm ngừng phiên tòa bằng văn bản cho ông P là có thiếu sót. Tuy nhiên, do ông P có mặt tại phiên tòa, và được nghe chủ toạ phiên toà công bố quyết định tạm ngừng phiên toà, trong quyết định đã thể hiện rõ ngày giờ xét xử vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 16/8/2019, nhưng đến ngày, giờ mở lại phiên toà ông P vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[5]. Bị đơn cho rằng biên bản định giá tài sản ngày 29/01/2019 không đúng thành phần tham gia: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Biên bản định giá thành phần của Phòng tài chính có ông Nguyễn Xuân H – chức vụ: Chuyên viên làm chủ tịch hội đồng định giá là không đúng với quy định tại Điều 8 của Nghị định số 30/2008/NĐ-CP ngày 07/3/2018 quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động định giá tài sản: *"1. Thành phần của Hội đồng định giá cấp huyện bao gồm:*

a) Một lãnh đạo của cơ quan chuyên môn cấp huyện về lĩnh vực tài chính là Chủ tịch Hội đồng;…"

Tuy nhiên, tại biên bản định giá tài sản có chữ ký và dấu xác nhận của lãnh đạo Phòng tài chính huyện Krông Nô và chữ ký của các thành viên hội đồng định giá là thể hiện việc sẽ chịu trách nhiệm về giá tài sản đã định giá trong biên bản. Do đó, xét thấy sai sót này không ảnh hưởng đến kết quả định giá tài sản. Hơn nữa, sau khi có kết quả định giá tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã thông báo kết quả định giá tài sản cũng như mở phiên họp kểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các bên đương sự cũng không có ý kiến gì về kết quả định giá tài sản.

[6]. Đối với nội dung ông Nguyễn Văn B không ký vào đơn khởi kiện nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn đưa ông B vào tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn là có phần thiếu sót. Tuy nhiên, ông B đã có bản tường trình về lý do không ký vào đơn khởi kiện, ông đã bổ sung để Toà án làm căn cứ giải quyết vụ án, nên không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, nên cần nêu lên để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[7]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Trần V và bà Võ Thị Hà T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

[8]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần V và bà Võ Thị Hà T phải nộp 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 148, Điều 157, Điều 200, Điều 235, Điều 244 Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 252, Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần V và bà Võ Thị Hà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A, bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Đinh Thị Kim C, ông Hoàng Ngọc V, bà Nguyễn Thị T và bà Trương Thị M.

Buộc ông Trần V và bà Võ Thị Hà T phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc A, bà Trần Thị L 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)*; Bồi thường cho ông Nguyễn Văn B, bà Đinh Thị Kim C 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)*; Bồi thường cho ông Hoàng Ngọc V, bà Nguyễn Thị T 6.000.000 đồng *(Sáu triệu đồng)*; Bồi thường cho bà Trương Thị M 7.500.000 đồng *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Ông Trần V và bà Võ Thị Hà T phải giữ nguyên hiện trạng con mương thoát nước bao quanh thửa 87, 88, tờ bản đồ số 28, có các cạnh Tây dài 42 m, cạnh Bắc dài 56 m, chiều rộng mặt trên trung B 03 m, chiều sâu trung B là 2,5 m, chiều rộng mặt dưới (đáy) trung B 1,25 m, tọa lạc tại tại thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, toàn bộ phần mương nước Tộc thửa đất số 87,88, tờ bản đồ số 28.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Kim C đối với ông TrầnV, bà Võ Thị Hà T về yêu cầu bồi thường thiệt hại diện tích 95,8 m^2 cây ngô trưởng thành.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị M đối với ông TrầnV, bà Võ Thị Hà T về yêu cầu bồi thường thiệt hại diện tích 96 m^2 cây ngô trưởng thành.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của của bà Nguyễn Thị T đối với ông TrầnV, bà Võ Thị Hà T về yêu cầu bồi thường thiệt hại diện tích 99,2 m^2 cây ngô trưởng thành.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc A, bà Trần Thị L yêu cầu ông Trần V, bà Võ Thị Hà T thanh toán tiền thuê múc mương thoát nước số tiền 5.250.000 đồng.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần V, bà Võ Thị Hà T đối với ông Nguyễn Ngọc A, bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Đinh Thị Kim C, ông Hoàng Ngọc V, bà Nguyễn Thị T và bà Trương Thị M phải trả lại nguyên trạng, trả lại diện tích đất đã múc để làm mương thoát nước.

6. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Trần V, bà Võ Thị Hà T đối với yêu cầu phía nguyên đơn phải bồi thường số tiền 60.000.000 đồng là giá trị diện tích đất bị múc đi để làm mương thoát nước.

7. Về chi phí xem xét thẩm thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Trần V, bà Võ Thị Hà T phải chịu 3.825.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 600.000 đồng chi phí định giá tài sản được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí ông V, bà T đã nộp.

Do ông Nguyễn Ngọc A, bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Đinh Thị Kim C, ông Hoàng Ngọc V, bà Nguyễn Thị T và bà Trương Thị M đã nộp tạm ứng chi phí trước nên ông Trần V, bà Võ Thị Hà T phải thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc A, bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Đinh Thị Kim C, ông Hoàng Ngọc V, bà Nguyễn Thị T và bà Trương Thị M số tiền 2.425.000 đồng.

8. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc ông Trần V, bà Võ Thị Hà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.875.000 đồng *(một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* và 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ số tiền 1.500.000 đồng tạm ứng án phí ông V bà T đã nộp theo biên lai 0000181 ngày 19/3/1018. Ông V, bà T còn phải nộp thêm số tiền 675.000 đồng.

- Ông Nguyễn Ngọc A, bà Trần Thị L phải chịu 265.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền 462.000 đồng tạm ứng án phí ông Anh đã nộp. Hoàn trả ông Anh số tiền 196.500 đồng tạm ứng án phí còn lại theo biên lai số 0000111, ngày 08/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

- Hoàn trả ông Hoàng Ngọc V 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000108 ngày 08/12/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

- Hoàn trả bà Trương Thị M 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000109 ngày 08/12/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

- Hoàn trả bà Đinh Thị Kim C 440.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000110 ngày 08/12/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần V và bà Võ Thị Hà T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên số: 0001014 ngày 17/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người đượcc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từp ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Thị Thông